

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN BIÊN  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 18-9-2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Trang;
2. Bà Trần Thị Bạch Tuyết.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Hồng Diên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Thu Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 352/2020/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 8 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1982; cư trú tại: Tổ A, ấp B, xã V, huyện B, tỉnh N; có mặt.

Bị đơn: Anh Bùi Thanh T, sinh năm 1984; cư trú tại: Tổ A, ấp B, xã V, huyện B, tỉnh N; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 05 tháng 8 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim L trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Thanh T tự nguyện chung sống với nhau năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện B, tỉnh N ngày 03/02/2004. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn do anh T có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, chửi mắng, đánh đập chị nhiều lần, nhưng chị không báo chính quyền địa phương được do nơi chị sinh sống cách xa khu dân cư. Đến tháng 6 năm 2019 chị nộp đơn yêu cầu ly hôn với anh T tại Tòa án và anh T cam kết sẽ thay đổi nên chị rút đơn khởi kiện. Sau khi về chung sống với

nhau thì vợ chồng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn do anh T tiếp tục chửi mắng, đánh đập chị, nên tháng 11/2019 chị dẫn hai con bỏ nhà đi thuê trọ sống cho đến nay. Chị không thể tiếp tục chung sống với anh T nên yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh Bùi Thanh T có hai con chung tên Bùi Thị Mỹ L, sinh ngày 18/8/2003 và Bùi Nguyễn Minh T, sinh ngày 26/12/2009, đang sống với chị. Chị yêu cầu được quyền nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 14 tháng 8 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Bùi Thanh T trình bày:*

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Thị Kim L về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn là đúng. Quá trình chung sống anh chị không có mâu thuẫn gì trầm trọng và anh không làm gì có lỗi với vợ con. Năm 2019 chị L nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh nhưng sau đó rút đơn và vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau được 05 tháng. Tháng 11/2019 chị L dẫn hai con bỏ nhà đi cho đến nay. Do còn thương vợ, thương con nên anh không đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh thống nhất với lời trình bày của chị L về con chung là đúng. Nếu tòa án giải quyết ly hôn, anh yêu cầu được quyền nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

#### **Tại phiên tòa sơ thẩm:**

Chị Nguyễn Thị Kim L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu ly hôn với anh Bùi Thanh T, yêu cầu được quyền nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Anh Bùi Thanh T thừa nhận nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do anh có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, thường xuyên uống rượu say xỉn và đánh đập chị L. Tuy nhiên, anh đã nhận thức được những hành vi của anh là sai trái, mong muốn chị L cho anh cơ hội để anh sửa chữa thay đổi nên anh không đồng ý ly hôn với chị L.

+ Về con chung: Nếu tòa án giải quyết ly hôn theo yêu cầu của chị L, anh đồng ý giao hai con chung cho chị L nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các con và anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con, mỗi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi hai con thành niên, có khả năng tự lao động nuôi sống được bản thân.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim L đối với anh Bùi Thanh T.

+ Về nuôi con chung: Giao hai con chung tên Bùi Thị Mỹ L, sinh ngày 18/8/2003 và Bùi Nguyễn Minh T, sinh ngày 26/12/2009 cho chị Nguyễn Thị Kim L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận anh Bùi Thanh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung, mỗi cháu 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng cho đến khi 02 con trưởng thành, có khả năng tự lao động nuôi sống được bản thân.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị Nguyễn Thị Kim L và anh Bùi Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim L và anh Bùi Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân, cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân:

[1.1] Chị Nguyễn Thị Kim L và anh Bùi Thanh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện B, tỉnh N ngày 03/02/2004. Căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận định đây là hôn nhân hợp pháp.

[1.2] Chị Nguyễn Thị Kim L yêu cầu ly hôn anh Bùi Thanh T với lý do: Quá trình chung sống từ năm 2018 chị và anh T xảy ra mâu thuẫn do anh T có lối sống gia trưởng, có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác dẫn đến việc có con và thường xuyên uống rượu, đánh đập chị. Qua xác minh tại địa phương, mặc dù chính quyền địa phương không biết nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể giữa chị L và anh T như thế nào, nhưng có thông tin dư luận xấu về việc anh T không chung thủy với chị L và tại phiên tòa, anh T cũng thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị L trình bày là đúng. Tuy nhiên, anh T không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con và cam kết sẽ thay đổi, sửa chữa những sai phạm của bản thân. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị L và anh T xảy ra từ năm 2018 và sau khi chị L rút đơn khởi kiện về việc ly hôn với anh T tại Tòa án vào tháng 6/2019 để vợ chồng đoàn tụ thì anh T không có thiện chí hòa giải nên sau một thời gian ngắn (05 tháng) vợ chồng vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn và tháng 11/2019 chị L bỏ nhà đi sống ly thân với anh. Từ khi chị L bỏ đi đến nay, anh T cũng không có biện pháp nào để vợ chồng hàn gắn tình cảm, tại phiên tòa chị L cương quyết yêu cầu ly hôn với anh T. Xét thấy, anh T đã có hành vi bạo lực gia đình với chị L và vi phạm nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan T, chăm sóc, giúp đỡ nhau của vợ, chồng làm cho hôn nhân giữa anh và chị L lâm vào trình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không

đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim L đối với anh Bùi Thanh T.

[2] Về nuôi con chung:

[2.1] Chị Nguyễn Thị Kim L và anh Bùi Thanh T có hai con chung tên Bùi Thị Mỹ L, sinh ngày 18/8/2003 và Bùi Nguyễn Minh T, sinh ngày 26/12/2009, hiện đang sống với chị L. Chị L yêu cầu được quyền nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, anh T đồng ý giao hai con chung cho chị L nuôi dưỡng và tại biên bản lấy lời khai hai cháu L và T cùng ngày 14/8/2020, hai cháu cũng có nguyện vọng sống cùng chị L. Xét thấy, sự thỏa thuận giữa chị L và anh T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của hai cháu L, T và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.2] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Kim L không yêu cầu anh Bùi Thanh T cấp dưỡng nuôi hai con chung, tuy nhiên tại phiên tòa anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung, mỗi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi hai con thành niên, có khả năng tự lao động nuôi sống được bản thân, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim L và anh Bùi Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên cần ghi nhận.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; anh Bùi Thanh T phải chịu án phí sơ thẩm về cấp dưỡng là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

**1.** Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim L và anh Bùi Thanh T.

**2.** Về nuôi con chung: Giao hai con chung tên Bùi Thị Mỹ L, sinh ngày 18/8/2003 và Bùi Nguyễn Minh T, sinh ngày 26/12/2009 cho chị Nguyễn Thị Kim L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận anh Bùi Thanh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung, mỗi con 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng cho đến khi 02 con thành niên, có khả năng tự lao động nuôi sống được bản thân. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 18/9/2020).

Sau khi ly hôn, anh Bùi Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị Nguyễn Thị Kim L cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Anh T

không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**3. Về tài sản chung và nợ chung:** Ghi nhận chị Nguyễn Thị Kim L và anh Bùi Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**4. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Chị Nguyễn Thị Kim L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0004344 ngày 11 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; chị L đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Bùi Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

**5. Quyền kháng cáo:** Chị Nguyễn Thị Kim L, anh Bùi Thanh T được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành** theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Phòng Ktr-NV-THA, TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thanh Thúy**

